

CHUYÊN ĐỀ: TẠO HỨNG THÚ CHO HỌC SINH THPT TRONG GIỜ HỌC TIẾNG VIỆT

I. Mở đầu:

Dạy văn trong nhà trường phổ thông đang là một thử thách lớn với GV hiện nay. Dạy như thế nào cho hay, hiệu quả cao, tạo sự hứng thú, say mê cho HS quả thực là cả một vấn đề lớn. Việc HS không thích thú với môn văn cũng có nhiều lí do, tuy nhiên có một nguyên nhân khá quan trọng đó là: Thầy cô giáo chưa thực sự tạo ra sự cuốn hút HS bằng bài giảng của mình. Thầy cô chưa thực sự có những bước ngoặt đột phá trong việc đổi mới phương pháp, vẫn nặng về phương pháp truyền thống thế nên việc dạy và học chưa thực sự hiệu quả.

Thực tế cho thấy có không ít giáo viên khi bước vào dạy bộ môn Ngữ văn đều rất ngại dạy Tiếng Việt, họ coi đây là một phân môn khô, khó. Điều đó khiến việc ngại tìm tòi đổi mới phương pháp, hình thức dạy - học môn Tiếng Việt là không tránh khỏi. Cũng vì thế mà giờ học Tiếng Việt thường nhàm chán, đơn điệu, căng thẳng dẫn đến việc nhận thức ở học sinh bị hạn chế

Trước tình hình đó đòi hỏi giáo viên không chỉ đổi mới về phương pháp dạy học mà còn phải đổi mới cả hình thức tổ chức hoạt động dạy - học để giờ học Tiếng Việt ngày càng hấp dẫn và thú vị

Với vai trò tổ chức, hướng dẫn và điều khiển quá trình học tập của HS, hơn ai hết việc phải tìm ra nhiều biện pháp để phát huy cao nhất tính tích cực sáng tạo của người học, tạo niềm hứng thú say mê học tập ở các em chính là nhiệm vụ quan trọng đối với mỗi người GV đứng lớp. Xuất phát từ những vấn đề trên, với mong muốn góp một phần vào việc tạo thêm hứng thú cho người học, giúp học sinh tích cực, chủ động tiếp nhận tri thức và hình thành kĩ năng, phát triển nhân cách, tôi mạnh dạn xin được trao đổi một số kinh nghiệm của bản thân trong quá trình giảng dạy bộ môn Tiếng Việt ở trường THPT.

II. Nội dung:

1. Khái niệm và Tác động của hứng thú trong dạy học:

a. Khái niệm " Hứng thú":

Hứng thú có nghĩa là tâm trạng vui vẻ, thích thú, hào hứng của con người đối với một hoạt động nào đó. Ở đây là hứng thú, chủ động tích cực học tập nói chung và với môn Ngữ văn nói riêng.

Khi có được sự say mê, thích thú con người sẽ làm việc có hiệu quả hơn, dễ thành công và thành công nhanh hơn, bởi lẽ hứng thú còn chính là động lực thúc đẩy hoạt động của con người đi sâu vào bản chất của đối tượng nhận thức mà không dừng lại ở bề ngoài của hiện tượng, nó đòi hỏi con người phải hoạt động tích cực, chịu khó tìm tòi hoặc sáng tạo. Hứng thú có nhiều tác dụng trong cuộc sống nói chung và trong dạy học nói riêng.

b. Tác động của hứng thú trong dạy học:

Dạy học là một nghệ thuật, người dạy – giáo viên là những “kỹ sư tâm hồn”, sản phẩm tạo ra của quá trình dạy học là sản phẩm đặc biệt – con người (nhân cách). Nó không hề giống với bất kỳ một ngành nghề nào. Điều đó đặt ra những yêu cầu khắt khe đối với giáo viên. Theo William A. Ward thì:

*“ Người thầy trung bình chỉ biết nói,
Người thầy giỏi biết giải thích,
Người thầy xuất chúng biết minh họa,
Người thầy vĩ đại biết cách truyền cảm hứng ”*

Từ đó ta thấy việc truyền cảm hứng (gây hứng thú) học tập cho học sinh, người học là điều cực kì quan trọng và cần thiết. Cho nên, nếu khơi dậy được sự hứng thú, say mê cho học sinh thì sẽ tạo ra động cơ học tập tích cực, giúp các em hăng say, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để đạt kết quả học tập tốt nhất, và từ đó người học sẽ tiếp nhận tri thức một cách chủ động và tự giác, không bị ép buộc,...

Khi hứng thú học tập, người học sẽ:

- Hăng hái trả lời các câu hỏi của giáo viên, bổ sung câu trả lời của bạn, thích phát biểu ý kiến của mình trước những vấn đề nêu ra.
- Hay nêu thắc mắc, đòi hỏi giải thích cặn kẽ những vấn đề chưa hiểu rõ ràng.
- Chủ động vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để nhận thức vấn đề mới, tập trung chú ý vào vấn đề đang học.
- Kiên trì hoàn thành bài tập, không nản chí trước những tình huống khó khăn...
- Hứng thú còn giúp học sinh tích cực học tập qua những cấp độ từ thấp đến cao:
 - + Bắt chước: gắng sức làm theo các mẫu hành động của thầy, của bạn...
 - + Tìm tòi: độc lập giải quyết vấn đề nêu ra, tìm kiếm những cách giải quyết khác nhau về một vấn đề...

+ Sáng tạo: tìm ra cách giải quyết mới, độc đáo, hữu hiệu.

Tóm lại, khi học sinh hứng thú với bài học, với môn học sẽ tạo không khí thi đua học tập sôi nổi, tích cực, say mê học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu... đây chính là một trong những tiền đề dẫn đến sáng tạo và tài năng.

2. Một vài cách thức và phương pháp để tạo hứng thú cho học sinh:

2.1 Tạo tâm thế tiếp nhận cho học sinh.

Việc tạo tâm thế hứng khởi cho HS khi bắt đầu bước vào giờ học rất quan trọng, nó giúp các em thoải mái, vui vẻ hơn sau những giờ học căng thẳng, từ đó tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn

Cho nên, giáo viên phải biết cách tạo không khí thoải mái khi vào lớp học. Giáo viên có thể tạo không khí lớp học bằng dẫn các chuyện vui, các câu thơ, câu văn hay, bằng cách đặt vấn đề bất ngờ, gợi được sự chú ý, bằng các tranh ảnh, sơ đồ... để gợi hứng thú, kích thích trí tò mò muốn khám phá bài học cho học sinh.

Có thể tạo tâm thế bằng cách giới thiệu bài mới, GV có thể dùng phương pháp thông báo - giải thích. Để hiện thực hoá phương pháp này, giáo viên có thể dùng hình thức diễn giảng thông báo cho học sinh nắm được vấn đề kiến thức cần nghiên cứu và ý nghĩa của nó. Khi thuyết giảng, cần căn cứ vào các tri thức đã có của học sinh rồi trên cơ sở đó mà hướng học sinh tiếp cận tới vấn đề sẽ được nghiên cứu trong bài học.

Chẳng hạn, dạy bài " *Nghĩa của từ trong sử dụng* ", giáo viên có thể mở đầu bằng cách sau: từ ngữ khi nằm ngoài văn cảnh thường có sắc thái trung hoà, nhưng khi tham gia vào phát ngôn cụ thể, chúng có thêm ý nghĩa biểu thị thái độ, tình cảm nhờ quan hệ với các từ ngữ khác. Từ "em" trong bài ca dao sau có thêm ý nghĩa nhờ quan hệ với từ "ta":

*Có oản anh tình phụ xôi
Có sông phụ suối có người phụ ta
Có quán tình phụ cây đa
Ba năm quán đổ cây đa vẫn còn
Có mực anh tình phụ sơn
Có kẻ béo tròn anh phụ nhân duyên
Có bạc anh tình phụ tiền
Có nhân nghĩa mới anh quên em rồi !*

Hoặc khởi động bài học bằng cách cho HS chơi trò chơi:

Ví dụ, khi dạy bài " *Thực hành thành ngữ và điển cố*", GV cho HS chơi trò " *Đoán từ qua hình ảnh*": GV chiếu các hình ảnh động trên máy chiếu, yêu cầu HS đoán xem đó là thành ngữ nào?

Chính sự chú ý, hứng thú do không khí lớp mang lại sẽ kích thích các học sinh tích cực làm việc hơn, tư duy sẽ được thúc đẩy. Học sinh sẽ chủ động đi sâu tìm hiểu bản chất, ý nghĩa của vụ việc, hiện tượng; kết quả là học sinh nhanh hiểu bài và nhớ bài lâu hơn.

2.2 Vận dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực.

a. Vận dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực.

Bên cạnh những phương pháp dạy học theo đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nói chung và phân môn Tiếng Việt nói riêng, việc phát huy các phương pháp dạy học tích cực cũng góp phần khơi dậy niềm hứng thú, yêu thích môn học..Có nhiều phương pháp dạy học tích cực mà GV có thể sử dụng như: Thảo luận nhóm, Đóng vai, Nghiên cứu tình huống, Dự án, Động não, Đặt và giải quyết vấn đề.... Trong khuôn khổ bài viết nhỏ này, bên cạnh những phương pháp truyền thống, tôi chỉ trình bày vài phương pháp mà bản thân đã áp dụng và đem lại hiệu quả giáo dục trong quá trình giảng dạy.

*** Vận dụng linh hoạt, hiệu quả phương pháp Thảo luận nhóm.**

HS của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Dạy học nhóm nếu được tổ chức tốt sẽ phát huy được tính tích cực, tính trách nhiệm; phát triển năng lực cộng tác làm việc và năng lực giao tiếp của HS. Đồng thời tránh sự nhàm chán, khơi dậy sự hứng thú.

Để tổ chức một hoạt động dạy học theo hình thức thảo luận nhóm, GV cần tiến hành theo các bước:

- Bước chuẩn bị (giao nhiệm vụ): chuẩn bị đề tài, nội dung , phương tiện hỗ trợ...
- Thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm theo yêu cầu , cử nhóm trưởng, người báo cáo,... giáo viên quan sát, đôn đốc, nhắc nhở...

- Yêu cầu thực hiện : Mỗi thành viên trong nhóm đều được tham gia bàn luận, được lắng nghe , tránh căng thẳng hoặc người được nói quá nhiều, làm việc quá nhiều. Mọi thành viên đều tích cực làm việc.

- Trình bày kết quả: Đại diện nhóm trình bày kết quả, các thành viên bổ sung thêm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, hỏi thêm. Gv đúc kết , bổ sung, nhấn mạnh, kết luận.

Qua quá trình giảng dạy, tôi thấy rằng khi dạy các bài Tiếng Việt, Làm văn mà có phần thực hành hay chữa bài tập thì việc sử dụng phương pháp này rất hiệu quả, tạo được sự hứng thú cho hs, tránh nhàm chán, lờn trầm lắng. Đặc biệt tránh tình trạng dạy những bài này theo cách truyền thống, bài thực hành, luyện tập nhưng chỉ là GV thực hành, luyện tập là chính, còn các em thì lại xem thực hành, xem luyện tập. Để cải thiện tình trạng này và sử dụng phương pháp thảo luận nhóm hiệu quả, tạo sự hứng thú cho HS tôi xin nêu một ví dụ như sau:

Bài" *Đặc điểm loại hình của tiếng Việt*" (CTNV 11, HKII), phần Luyện tập, Bài 1: Hãy phân tích những ngữ liệu dưới đây về mặt từ ngữ (chú ý những từ ngữ in đậm) để chứng minh tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập.

- *Trèo lên cây bưởi hái hoa,*

*Bước xuống ruộng cà hái **nụ tâm xuân**.*

***Nụ tâm xuân** nở ra xanh biếc,*

Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay.

- *Thuyền ơi có nhớ **bến** chăng,*

***Bến** thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

- *Yêu **trẻ, trẻ** đến nhà; kính **già, già** để tuổi cho.*

(...)

GV mời ba em đại diện 3 nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác luân phiên nhận xét, bổ sung . Sau cùng, GV chữa mẫu các bài trên bảng để các em đối chiếu đúng sai. Với cách làm như trên, linh hoạt khi tổ chức hoạt động nhóm, tôi nhận thấy trong hoạt động nhóm học sinh nào cũng được làm việc. Giờ học vẫn sôi nổi, không nhàm chán mà lại đạt được kết quả cao.

*** Phương pháp đóng vai:**

Khi đóng vai, Học sinh được hóa thân, được trải nghiệm . Các em sẽ biết mình phải nói gì, nói bằng giọng điệu nào, phải có vẻ mặt, động tác tay chân như thế nào là phù hợp. Đóng vai là tạo cơ hội cho các em có môi trường, tình huống, nhu cầu, cảm hứng để luyện kỹ năng nói tự nhiên.

Thông qua các “vai diễn” HS được bộc lộ khả năng tự nhận thức, khả năng giao tiếp, khả năng tự giải quyết vấn đề trong các tình huống cuộc sống

Khi đóng vai , HS được bày tỏ quan điểm, ý kiến, thái độ của mình cùng lắng nghe ý kiến, quan điểm của người khác về các vấn đề liên quan đến nội dung bài học . Đặc biệt đối với việc vận dụng phương pháp đóng vai trong phân môn Tiếng Việt thực sự tạo môi trường học tập tích cực, chủ động cho các em học sinh, đồng thời phát triển khả năng sáng tạo trong các vai diễn , các em có kỹ năng nói tốt, các em sẽ chủ động, tự tin trong học tập, trong cuộc sống riêng và trong giao tiếp xã hội khi học các lớp trên.

Ví dụ, Khi dạy bài " *Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* ", GV có thể gọi 2 em HS lên bảng đóng vai 2 người bạn ở xa đang gọi điện thoại thăm hỏi nhau, sau đó giới thiệu bài học: *Cuộc hội thoại của 2 bạn vừa rồi chính là một hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Vậy thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? nó có những đặc trưng cơ bản nào? Thì giờ học hôm nay cô và các em cùng nhau đi tìm hiểu*

2. 3 Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng việt:

Việc ứng dụng CNTT trong dạy học Tiếng Việt cũng rất cần thiết ,nó vừa giúp GV không phải ghi bảng nhiều, vừa cung cấp một hệ thống kiến thức khoa học cho HS, hơn nữa có những hình ảnh trực quan sinh động sẽ làm cho HS hứng thú hơn

Tuy nhiên tùy vào từng kiểu bài, từng nội dung bài học mà ứng dụng CNTT cho thích hợp. Có thể chỉ ứng dụng trong một phần nội dung bài học chứ không nhất thiết phải sử dụng trong suốt cả bài học.

2. 4. Lồng ghép trò chơi trong dạy - học.

Lồng ghép trò chơi đối với phân môn này là khá phù hợp, đặc biệt là đối với những tiết thực hành, luyện tập. Trò chơi cần gắn với các bài tập, hoặc các hình thức thực hành, luyện tập khác mà giáo viên nghĩ ra. Vận dụng tốt giải pháp này, giờ học Tiếng Việt sẽ không còn khô cứng, học sinh sẽ cảm

thấy thoải mái, hứng thú, kích thích hoạt động tư duy của các em, quan trọng hơn là góp phần phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ ở học sinh. Qua trò chơi, tư duy và khả năng ngôn ngữ của các em sẽ được bộc lộ tự nhiên, giáo viên có thể phát hiện và uốn nắn kịp thời những mặt còn hạn chế.

Minh họa: Bài *Thực hành về thành ngữ và điển cố* (CTNV 11), Bài tập 6: Đặt câu với mỗi thành ngữ sau:

- *Mẹ tròn con vuông.*
- *Lòng lang dạ thú.*
- *Trúng khôn hơn vịt.*
- *Đi guốc trong bụng.*
- (...)

GV cho hs làm bài tập bằng cách chơi trò chơi: Tiếp sức. Gọi một HS xung phong giải thích một thành ngữ và đặt câu với thành ngữ đó. Nếu trả lời đúng thì sẽ được chỉ định mời một hs khác tiếp tục công việc này. Yêu cầu là người kế tiếp không chọn thành ngữ mà bạn trước đó đã chọn. Như vậy, hs làm bài tập thực hành bớt nhàm chán và hào hứng tham gia tích cực, sôi nổi, đem lại hiệu quả cho bài học.

2.5 . Sử dụng đồ dùng dạy học

- Bản đồ

Để phục vụ cho bài "*Khái quát lịch sử của tiếng Việt*" nên dùng một bản đồ vùng Đông Nam Á. Có thể dùng một bản đồ in sẵn hoặc giáo viên tự vẽ một bản đồ, nhưng quan trọng là trên bản đồ đó, ngoài các địa danh nêu trong bài cần ghi rõ địa bàn cư trú của người Việt cổ . Những vùng phụ cận (Thái lan, Miên điện, Trung quốc) là nơi cư trú của người Môn và người Khơ me cổ... Để HS thấy rõ nguồn gốc và quan hệ họ hàng của Tiếng Việt.

- Sơ đồ, bảng biểu, mô hình

+ Sơ đồ ngữ hệ Nam Á (sơ đồ ngữ hệ thường được vẽ theo hình cây).

+ Bảng đối chiếu so sánh đặc điểm loại hình của tiếng Việt với các ngôn ngữ khác loại hình

+ Sơ đồ về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, trong đó có các nhân tố của hoạt động giao tiếp.

+ Ngoài ra, cũng có thể sưu tầm và vẽ to những chữ thuộc các hệ chữ viết khác nhau: chữ Trung quốc, chữ Ả rập, chữ Nga, chữ La tinh... Từ đó, phân tích đặc điểm, ưu thế của chữ viết La tinh nói chung và chữ Quốc ngữ nói riêng.

Ví dụ. Khi dạy bài " *Đặc điểm loại hình Tiếng Việt*", giáo viên có thể viết 2 VD: 1 câu Tiếng Anh, một câu tiếng Hán hoặc Tiếng Việt vào bảng phụ rồi treo lên bảng, sau đó hướng dẫn HS phân tích để làm rõ đặc điểm: Từ trong " *loại hình ngôn ngữ đơn lập* " (Trong đó có Tiếng Việt) không biến đổi về hình thái

Việc sử dụng sơ đồ bảng biểu trong dạy học Tiếng Việt sẽ giúp HS tiếp cận bài học đơn giản hơn, dễ hiểu hơn. Đồng thời cũng khắc sâu kiến thức tốt hơn

- Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học tiếng Việt

Việc ứng dụng này sẽ làm bài học sinh động, hấp dẫn, tạo điều kiện cho HS dễ dàng lĩnh hội kiến thức. Bản đồ tư duy cần được chuẩn bị trước giờ học, trong giờ học và cả sau giờ học, làm như thế vừa gây hứng thú học tập, vừa bổ ích cho sự phát hiện và lĩnh hội kiến thức.

VD: Sau khi tìm hiểu xong bài học, GV yêu cầu HS hãy vẽ bản đồ tư duy cho bài tiếng Việt mà chúng ta vừa học

III. Kết luận:

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn nói chung và phân môn Tiếng Việt nói riêng theo định hướng phát triển năng lực, việc áp dụng một số biện pháp dạy – học hiệu quả trong giờ học Tiếng Việt là rất cần thiết . Việc làm này sẽ có tác dụng nâng cao hiệu quả dạy của GV và học của HS. Nó sẽ góp phần nâng cao hứng thú của HS trong mỗi giờ học Tiếng Việt, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn Ngữ văn.

Tuy nhiên đây không phải là những biện pháp duy nhất để có thể tạo hứng thú cho HS trong giờ học phân môn Tiếng Việt, để một giờ học có hiệu quả về kiến thức cũng như tạo được hứng thú cho HS, GV cần áp dụng linh hoạt các biện pháp, phương pháp một cách phù hợp với từng tiết dạy cụ thể.

